TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **699**/2020/HC-PT
Ngày: 24/7/2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Cúc

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Hữu Thơ

2. Ông Vũ Bảo Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên

Trong các ngày 12 và 25 tháng 5; ngày 22 và 29 tháng 6; 21 và 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 58/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2019 về "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính số 09/2019/HC-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2388/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cư trú: 439/1B khu phố 2, Hồ Học Lãm, phường An Lạc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện ủy quyền ngày 27/12/2018; 03/01/2019 và 22/5/2020: Bà Võ Thị A.và bà Võ Bích T.(Có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1 UBND xã T.K, huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2 Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: B8/29 ấp 2, Hưng Nhơn, xã T.K, huyện BC, Thành phố HCM

Người đại diện ủy quyền ngày 17/6/2019 của UBND xã T.K, huyện B.C và Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C*:* Ông Nguyễn Văn T.- Phó Chủ tịch (Có mặt)

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Phan Văn K, sinh năm 1963 (Có mặt)

Cư trú: 175 ấp 4, xã Long Sơn, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

3.2 Bà Phạm Thị Bích T., sinh năm 1987 (Có mặt)

Cư trú: 439/1B Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

3.3 Ông Trần Triệu L., sinh năm 1980 (Có mặt)

Cư trú: 99D/16A Hoài Thanh, Phường 14, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

3.4 Ông Trương Văn N., sinh năm 1998 (Có mặt)

Cư trú: 483/20/1 Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị A.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện gửi các ngày 03 (BL58) và 27/12/2018 (BL60); Đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 04/5/2019 (BL62), người khởi kiện trình bày:

Tôi mua phần diện tích 1.289m^2 (BL36) thửa 543, tờ bản đồ số 34 là khu đất trống trồng cây lâu năm nhưng chưa có số nhà tọa lạc tại tổ 12, ấp 2, xã T.K, huyện BC, Thành phố HCM (gọi là khu đất tổ 12) có vị trí đối diện căn nhà số B12/22C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 790229 ngày 22/10/2012 (gọi tắt Giấy CNQSDĐ năm 2012) của Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) huyện Bình Chánh và san lấp đất cát để trồng mít cao sản được UBND xã T.K, huyện BC xác nhận ngày 30/10/2012 (BL41).

Ngày 09/3/2013, phần đất trên được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (gọi tắt Văn phòng ĐKQSDĐ) – Chi nhánh huyện Bình Chánh cập nhật chuyển mục đích sử dụng thành đất nông nghiệp khác (NKH) để trồng cây kiểng, bonsai trong chậu theo Thông báo số 51/TB-UBND ngày 22/02/2013 (gọi tắt Thông báo số 51/TB-UBND) của UBND huyện Bình Chánh (BL42), trong đó có công trình xây dựng kho chứa vật tư nông nghiệp với diện tích 50m^2 (5m x 10m).

Sau đó, tôi có xây dựng thêm 300m^2 nhà tiền chế bằng sắt và tôn với chiều cao 6m làm nhà xưởng và bị tháo dỡ vào các ngày 11/7/2013 (lần 1), 22/12/2016 (lần 2), 12/10/2017 (lần 3), 31/5/2018 (lần 4) do xây dựng không phép. Tôi nộp số tiền 20 triệu đồng trực tiếp cho ông Sang và 3 triệu đồng cho ông Lâm đều là cán bộ quản lý đô thị xã T.K, huyện BC. Đồng thời, nộp 20 triệu đồng vào ngày 03/01/2016 (BL124) theo Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 (gọi tắt Quyết định số 541/QĐ-UBND) của Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C. Tôi không có nhận bất cứ văn bản nào về xử lý hành vi nêu trên.

Sau khi nhận Quyết định số 558/QĐ-KPHQ ngày 17/10/2018 (gọi tắt Quyết định số 558/QĐ-KPHQ) và Quyết định số 629/QĐ-CC-KPHQ ngày 22/11/2018 (gọi tắt Quyết định số 629/QĐ-CC-KPHQ) của Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C ban hành trái pháp luật, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh hủy hai quyết định này và buộc UBND xã T.K, huyện BC và Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C phải giao 16 văn bản sau: Thông báo, Biên bản và Quyết định cưỡng chế ngày 11/7/2013; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

năm 2013; Phiếu thu tiền cưỡng chế ngày 12/7/2013 (ông Sang thu); Quyết định số 73/QĐ-XPVPHC ngày 02/3/2016; Quyết định số 97/QĐ-CC ngày 15/3/2016; Phiếu thu tiền phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng năm 2016 (ông Lâm thu); Quyết định số 541/QĐ-UBND; Thông báo số 859/TB-UBND ngày 20/12/2016; Biên bản ngày 22/12/2016; Biên lai thu tiền phạt ngày 03/01/2016; Quyết định kiểm tra ngày 12/10/2017; Biên bản kiểm tra ngày 25/5/2018; Biên bản vi phạm hành chính số 07 và 08 ngày 31/5/2018. Đồng thời, chấm dứt hành vi xử lý vi phạm hành chính trái luật đối với Cơ sở Mạnh Phát.

Bản tự khai ngày 25/01 (BL83); 26/6 (BL80) và 29/7/2019 (BL76), đại diện người bị kiện trình bày:

Ông Nguyễn Văn M sử dụng khu đất tổ 12 không thực hiện đúng phương án sản xuất nông nghiệp theo Thông báo số 51/TB-UBND mà tự chuyển sang cơ sở sản xuất kính chiếu hậu xe không có giấy phép kinh doanh, đồng thời có xây dựng thêm diện tích ngoài 50m^2. Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C giải quyết hành vi vi phạm của ông Nguyễn Văn M tại khu đất tổ 12 được tiến hành xử lý như sau:

Ngày 02/3/2016, lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC (BL110) ghi nhận: công trình xây dựng không có giấy phép từ tháng 9/2015 với diện tích 326m^2 [(7m x 22m) + (8m x 8m) + (9m x 12m)] có kết cấu: khung sườn sắt, mái tôn, vách tôn (ông Nguyễn Văn M không có mặt) và ban hành Quyết định số 73/QĐ-XPVPHC (BL91) (gọi tắt Quyết định số 73/QĐ-XPVPHC) buộc khôi phục lại hiện trạng ban đầu theo điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ. Quyết định này niêm yết ngày 03/3/2016 (BL113) và đã nộp phạt 2.000.000 đồng vào ngày 07/3/2016 (BL127).

Ngày 15/3/2016, ban hành Quyết định số 97/QĐ-CC (BL109) (gọi tắt Quyết định số 97/QĐ-CC) về cưỡng chế thi hành Quyết định số 73/QĐ-XPVPHC, kể từ ngày niêm yết là 16/3/2016 (BL121).

Ngày 14/9/2016, ban hành Quyết định số 541/QĐ-UBND (BL89) (gọi tắt Quyết định số 541/QĐ-UBND) về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm nêu tại các Quyết định số 73/QĐ-XPVPHC và số 97/QĐ-CC. Niêm yết quyết định ngày 15/9/2016 (BL117). Bà Phạm Thị Thanh Tuyền (vợ của ông Nguyễn Văn M) cam kết sẽ tự tháo dỡ công trình trong 30 ngày, kể từ ngày 06/10/2016 (BL129).

Ngày 20/12/2016, ban hành Thông báo số 859/TB-UBND về việc thực hiện Quyết định số 541/QĐ-CC. Thông báo này được niêm yết cùng ngày (BL97).

Ngày 22/12/2016, lập Biên bản (BL123) ghi nhận quá trình thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số 541/QĐ-UBND và chấp thuận lời đề nghị của ông Nguyễn Văn M xin giữ lại toàn bộ tài sản, vật dụng trong công trình vi phạm. Bà Phạm Thị Thanh Tuyền đã nộp số tiền cưỡng chế 20 triệu đồng (BL124).

Ngày 27/9/2017, UBND huyện Bình Chánh ban hành Thông báo số 1152/TB-UBND (BL43) về hủy Thông báo số 51/TB-UBND. Bà Võ Thị A.nhận Thông báo này vào ngày 06/4/2018 (BL44) vì đã niêm yết ngày 30/9/2017 (BL128).

Ngày 12/10/2017, lập Biên bản (BL40) ghi nhận việc kiểm tra hiện trạng 03 công trình xây dựng tại khu đất tổ 12 của ông Nguyễn Văn M với tổng diện

tích là 555,25m^2 đang sản xuất kính chiếu hậu xe mô tô, xe máy và ghi nhận ý kiến của bà Võ Thị A.đề nghị chấp thuận cho san lấp để sản xuất ngành nghề mới do trồng bonsai chết, sẽ tự tháo dỡ và không yêu cầu bồi thường.

Ngày 31/5/2018, lập Biên bản số 07/BB-VPHC (BL106) (gọi tắt Biên bản số 07/BB-VPHC) ghi nhận ông Nguyễn Văn M tổ chức thi công xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng mà theo qui định phải có giấy phép xây dựng tại thửa đất tổ 12 theo điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ với hiện trạng xây dựng năm 2013 như sau:

Công trình 1: diện tích 125m^2 (10m x 12,5m) có kết cấu: cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tôn;

Công trình 2: chiều dài hàng rào là 157,44m có kết cấu: trụ bê tông cốt thép, trên rào có lưới B40.

Cùng ngày, lập tiếp Biên bản số 08/BB-VPHC (BL102) (gọi tắt Biên bản số 08/BB-VPHC) ghi nhận ông Nguyễn Văn M tổ chức thi công xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng mà theo qui định phải có giấy phép xây dựng và tự chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép tại thửa đất tổ 12 theo điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ với hiện trạng xây dựng năm 2017 như sau:

Công trình 1: diện tích 310,25m^2 (8,5m x 36,5m) có kết cấu: khung sườn sắt, mái tôn, bạt;

Công trình 2: diện tích 240m^2 (10m x 24m) có kết cấu: khung sườn sắt, mái tôn, vách tôn.

Hai biên bản này lập với sự vắng mặt của ông Nguyễn Văn M nên được niêm yết ngày 01/6/2018 (BL92).

Ngày 24/9/2018, lập Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 14/BB-XM (BL86) (gọi tắt Biên bản XM số 14/BB-XM) ghi nhận Công trình 1 và Công trình 2 được lập tại Biên bản số 07/BB-VPHC về hành vi vi phạm của ông Nguyễn Văn M là tự chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ và xác định các công trình vừa nêu thành Công trình 3 và Công trình 4 tại Biên bản này.

Ngày 17/10/2018, ban hành Quyết định số 558/QĐ-KPHQ (BL96) buộc ông Nguyễn Văn M thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ với tổng diện tích 675,25m^2 và hàng rào dài 157,44m được nêu tại các công trình ghi nhận trong Biên bản số 08/BB-VPHC và Biên bản XM số 14/BB-XM.

Ngày 22/11/2018, ban hành Quyết định số 629/QĐ-CC-KPHQ về cưỡng chế buộc ông Nguyễn Văn M thực hiện Quyết định số 558/QĐ-KPHQ.

Việc ban hành hai quyết định trên là đúng pháp luật nên không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Văn bản ngày 02/10/2018 (BL30), ông Triệu Trần Lộc trình bày:

Lúc 10 giờ ngày 11/7/2013, tôi là nhân viên lái xe chở hàng có đến nhà xưởng của ông Nguyễn Văn M tại ấp 2 xã T.K, huyện BC nhìn thấy khoảng 30 người của UBND xã T.K, huyện BC quay phim, chụp hình, tháo dỡ nhà xưởng và đưa lên xe chở tôn, cột, đòn tay bằng sắt.

Văn bản ngày 02/10/2018 (BL28), ông Trương Văn N. trình bày:

Thống nhất về thời gian, địa điểm của việc tháo dỡ nhà xưởng của ông Nguyễn Văn M như ông Trần Triệu L. nêu vì tôi được nhờ đến mở cửa nhà xưởng cho thợ vào gắn Enten. Sau khi tháo dỡ nhà xưởng, tôi sợ quá nên có điện thoại báo cho ông Nguyễn Văn M. Lát sau, ba và anh em của ông Nguyễn Văn M cùng với ông Trần Triệu L. là tài xế chở hàng đến chứng kiến.

Văn bản ngày 02/10/2018 (BL25), ông Nguyễn Văn Khỏe trình bày:

Tôi là ba của ông Nguyễn Văn M. Khoảng 12 giờ ngày 11/7/2013, tôi được Nguyễn Văn Tân (là con) báo sự việc tháo dỡ nhà xưởng của ông Nguyễn Văn M. Đến 13 giờ, tôi đến nơi thấy khoảng 30 người của UBND xã T.K, huyện BC tháo dỡ đưa lên xe. Ông Sang – cán bộ quản lý đô thị xã yêu cầu tôi ký tên vào biên bản (trong đó có ông Đặng Tấn Năm – Trưởng ấp 2 và ông Quang – Công an khu vực) và đề nghị tôi đến nhà ông Sang để nộp tiền cưỡng chế. Sáng ngày 12/7/2013, tôi nộp 20 triệu đồng tại nhà ông Sang và chở các vật liệu bị tháo dỡ về cất lại nhà xưởng của ông Nguyễn Văn M và kinh doanh đến năm 2016 thị bị tháo dỡ lần thứ hai.

Bản tự khai ngày 29/7/2019 (BL134), bà Phạm Thị Bích T. trình bày:

Tôi là vợ và đồng ý các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Sau phiên đối thoại không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tuyên bác yêu cầu khởi kiện, thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, đồng thời được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại do nhập vụ án theo Quyết định số 02/2019/QĐST-HC ngày 06/5/2019 (BL159). Ngoài ra, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/11/2019, bà Võ Thị A.gửi đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện người khởi kiện xác định: diện tích xây dựng thực tế các công trình tại khu đất tổ 12 hơn 1.000m^2 là của bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ là người thuê đất của ông Nguyễn Văn M theo Văn bản thỏa thuận thuê đất ngày 01/4/2013 để sản xuất kinh doanh kính chiếu hậu xe theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của UBND huyện Bình Chánh cấp ngày 23/12/2015 (BL39), trong đó có vài container của ông Nguyễn Văn M đang sử dụng làm kho. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc buộc UBND xã T.K, huyện BC phải giao 16 văn bản nêu trong đơn khởi kiện vì cấp sơ thẩm đã cung cấp, kể cả việc rút yêu cầu buộc Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C chấm dứt hành vi xử lý vi phạm hành chính trái luật đối với Cơ

sở Mạnh Phát do bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ là Chủ cơ sở. Đồng thời, sửa án sơ thẩm về hủy Quyết định số 558/QĐ-KPHQ, Quyết định số 629/QĐ-CC-KPHQ do các công trình nêu trong Quyết định số 558/QĐ-KPHQ không phải công trình của ông Nguyễn Văn M xây dựng sử dụng vào việc sản xuất kính chiếu hậu như ông Nguyễn Văn T.trình bày tại phiên tòa. Ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ông Nguyễn Văn T.không xác định được vị trí các công trình xây dựng của ông Nguyễn Văn M hay của bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ trong khu đất này khi lập biên bản vi phạm hành chính vì không có bản vẽ đính kèm. Diện tích xây dựng trên khu đất tổ 12 thực tế lớn hơn diện tích nêu trong Quyết định số 558/QĐ-KPHQ. Tuy nhiên, khẳng định lý do ban hành hai quyết định này là do ông Nguyễn Văn M xây dựng sai mục đích sử dụng theo Giấy CNQSDĐ năm 2012 được cấp nên cần phải tháo dỡ theo hiện trạng ban đầu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị A.là hủy Quyết định số 558/QĐ-KPHQ và Quyết định số 629/QĐ-CC-KPHQ và ghi nhận ý kiến của đại diện người khởi kiện về rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa, nên đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét Đơn tường trình của ông Nguyễn Văn M gửi ngày 12/5/2020 về việc thống nhất nội dung kháng cáo theo đơn của bà Võ Thị A.gửi trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[2] Xét sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị Hương Thảo, ông Nguyễn Văn M nhưng có sự hiện diện của ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Võ Thị Ân, bà Võ Bích T.phù hợp khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày tại phiên tòa của bà Võ Thị A.về việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M đối với hành vi của UBND xã T.K, huyện BC và Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C không thực hiện giao các văn bản nêu trong đơn gửi ngày 03 và 27/12/2018 cũng như buộc chấm dứt hành vi xử lý vi phạm hành chính trái luật đối với Cơ sở Mạnh Phát phù hợp với nội dung ủy quyền lập vào các ngày 27/12/2018 và 03/01/2019 là tự nguyện, nên đình chỉ. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc giải quyết sót yêu cầu của ông Nguyễn Văn M đối với UBND xã T.K, huyện BC và Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C chấm dứt hành vi xử lý vi phạm hành chính trái luật đối với Cơ sở Mạnh Phát vì đã ban hành Thông báo số 01/2019/TLST-HC ngày 06/5/2019 (BL157) về thụ lý vụ án bổ sung theo Đơn khởi kiện gửi ngày 04/5/2019 (BL62) mặc dù yêu cầu này có được chấp nhận hay không chấp nhận nhưng vẫn phải xem xét và giải quyết theo Điều 8 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Căn cứ lời trình bày của ông Nguyễn Văn T.và bà Võ Thị A.đều thống nhất phần diện tích xây dựng hiện hữu tại khu đất tổ 12 của ông Nguyễn Văn M được ghi nhận trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 09/6/2020 lớn hơn phần diện tích vi phạm 675,25m^2 nêu trong Quyết định số 558/QĐ-KPHQ. Ngoài ra, Biên bản còn ghi nhận: trên khu đất này hiện có 05 (năm) container với diện tích mỗi container là 6,2m x 2,4m của ông Nguyễn Văn M đang sử dụng nhà kho tại các công trình số 2, 3, 4, 5, 6 và phần diện tích xây dựng còn lại, kể cả phần sân và lối đi vào phía sau khu đất này là của bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ là chủ hộ kinh doanh Mạnh Phát sử dụng sau khi thuê đất của ông Nguyễn Văn M dùng vào việc sản xuất kinh doanh kính chiếu hậu từ năm 2015 và có nộp thuế đến nay. Mặt khác, ông Nguyễn Văn T.không xác định được vị trí các công trình 1, 2, 3 ghi nhận tại Biên bản số 08/BB-VPHC và Biên bản XM số 14/BB-XM thuộc vị trí nào trên khu đất tổ 12 vì không thể hiện qua bản vẽ nên việc ban hành Quyết định số 558/QĐ-KPHQ đối với hành vi vi phạm của ông Nguyễn Văn M là không có căn cứ, mặc dù cho rằng với diện tích xây dựng và hiện đang sử dụng là của ông Nguyễn Văn M hay của bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ cũng đều sai mục đích sử dụng đất nông nghiệp khác (NKH) đã được Văn phòng ĐKQSDĐ – Chi nhánh huyện Bình Chánh cập nhật ngày 09/3/2013. Tuy nhiên, trong Biên bản số 08/BB-VPHC không xác định cụ thể hành vi vi phạm của ông Nguyễn Văn M là chủ đầu tư tổ chức thi công xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng mà theo qui định phải có giấy phép xây dựng và chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ đối với công trình 1 và công trình 2 dẫn đến việc ban hành Quyết định số 558/QĐ-KPHQ trong đó nêu việc xây dựng cả hai công trình này vi phạm điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ là không chính xác trong việc áp dụng các văn bản pháp luật như đại diện Viện kiểm sát kết luận là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị A.cũng như ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn M theo đơn gửi ngày 06/5/2020 là sửa bản án của cấp sơ thẩm về hủy Quyết định số 558/QĐ-KPHQ và Quyết định số 629/QĐ-CC-KPHQ của Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C.

[5] Do sửa án sơ thẩm nên hoàn tiền tạm nộp án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho người kháng cáo, người khởi kiện. Người bị kiện chịu án phí hành chính sơ thẩm. Bà Võ Thị A.đề nghị ghi nhận việc ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu số tiền nộp chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ là không trái pháp luật. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 và Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 và khoản 2 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, (xem điều khoản chi phí tố tụng)

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Ân. Sửa Bản án hành chính số 09/2019/HC-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M như sau:

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 558/QĐ-KPHQ ngày 17/10/2018 của Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 629/QĐ-CC-KPHQ ngày 22/11/2018 của Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M như sau:

Buộc UBND xã T.K, huyện B.C và Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C chấm dứt hành vi xử lý vi phạm hành chính trái luật đối với Cơ sở Mạnh Phát;

Buộc UBND xã T.K, huyện B.C và Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C giao các văn bản như: Thông báo cưỡng chế năm 2013; Biên bản và Quyết định cưỡng chế ngày 11/7/2013; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính năm 2013; Phiếu thu tiền cưỡng chế ngày 12/7/2013 (ông Sang thu); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPVPHC ngày 02/3/2016; Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97/QĐ-CC ngày 15/5/2016; Phiếu thu tiền phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng năm 2016 (ông Lâm thu); Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng số 541/QĐ-UBND ngày 14/9/2016; Thông báo số 859/TB-UBND ngày 20/12/2016; Biên bản cưỡng chế ngày 22/12/2016; Phiếu thu tiền cưỡng chế ngày 03/01/2016; Quyết định kiểm tra ngày 12/10/2017; Biên bản kiểm tra ngày 25/5/2018; các Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC và số 08/BB-VPHC ngày 31/5/2018 của UBND xã T.K, huyện B.C.

2. Về án phí và chi phí tố tụng hành chính:

Chủ tịch UBND xã T.K, huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M tổng số tiền tạm nộp án phí sơ thẩm và phúc thẩm là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số 06659 và số 06660 ngày 03/01/2019, số 08890 ngày 15/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp ngày 05/6/2020 theo Bảng kê của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mỹ Cúc